

NGUỒN NHÂN LỰC TRONG NGÀNH DU LỊCH VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2030: NHU CẦU VÀ GIẢI PHÁP

NGUYỄN THU CÚC
PHAN KIM THOA

TÓM TẮT

Ngành du lịch hiện nay đang được chú trọng, bởi sự đóng góp đáng kể của ngành vào GDP của mỗi quốc gia. Du lịch ở Việt Nam trải qua thời gian dài còn “tiềm ẩn”, chỉ hơn 10 năm gần đây mới có tốc độ phát triển nhanh. Cùng với nhịp độ phát triển của ngành, nhu cầu nguồn nhân lực trong ngành Du lịch cần được quan tâm đầu tư để du lịch Việt Nam phát triển bền vững, ngang tầm với khu vực. Mục đích của bài viết này muốn trình bày thực trạng và nhu cầu cần thiết về nguồn nhân lực phục vụ trong ngành du lịch Việt Nam đến năm 2030.

1. GIỚI THIỆU

Ngành du lịch thế giới đã đóng góp đáng kể vào tăng trưởng kinh tế, xóa đói giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa các dân tộc,... Ngành du lịch Việt Nam cũng có thể tạo nên những đóng góp giá trị cho đất nước, nếu phát huy tối đa tiềm năng hiện có.

Nguyễn Thu Cúc. Thạc sĩ. Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

Phan Kim Thoa. Thạc sĩ. Viện Khoa học Xã hội vùng Nam Bộ.

Muốn vậy, du lịch Việt Nam cần quan tâm đến nhu cầu phát triển nguồn nhân lực phục vụ trong ngành du lịch, từ nay đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030.

2. ĐÓNG GÓP CỦA NGÀNH DU LỊCH TRONG NỀN KINH TẾ VIỆT NAM

2.1. Thực trạng khách du lịch Việt Nam

Từ năm 2001 đến nay, số lượng khách du lịch tại Việt Nam tăng đáng kể, mặc dù cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu có ảnh hưởng mạnh mẽ đến tất cả các nước trên thế giới, Việt Nam không phải là ngoại lệ. Điều này thể hiện qua lượng khách du lịch quốc tế đến Việt Nam giảm, cụ thể năm 2009 có khoảng 3,8 triệu lượt khách, trong khi trước đó (năm 2007) có khoảng hơn 4,2 triệu lượt khách du lịch đến Việt Nam. Tuy nhiên đến năm 2010, số lượng khách lại tăng lên đáng kể (đạt 5,2 triệu lượt). Riêng khách du lịch nội địa của năm sau luôn tăng so với năm trước, bất chấp toàn cầu đang lâm vào khủng hoảng tài chính.

Tốc độ tăng trưởng số lượng khách du lịch tại Việt Nam được thể hiện cụ thể qua Bảng 1.

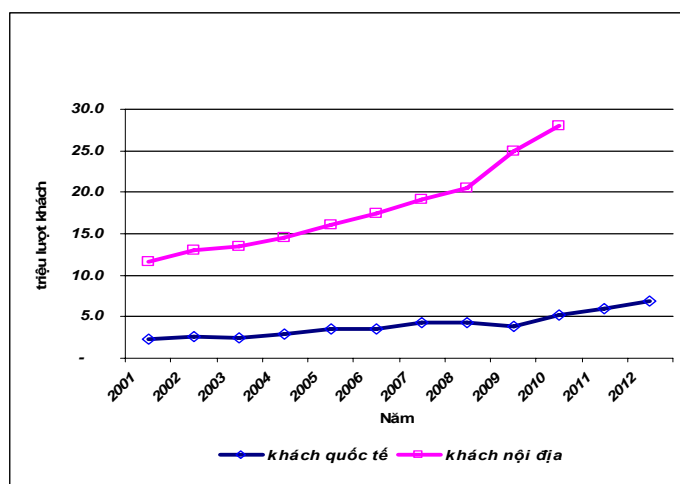
Nếu so sánh tốc độ tăng trưởng khách du lịch của năm sau so với năm trước, thì tỷ lệ tăng trung bình khoảng 10% cho cả khách

Bảng 1. Tốc độ tăng trưởng khách du lịch giai đoạn 2001-2010 (%)

Năm	2001-2002	2002-2003	2003-2004	2004-2005	2005-2006	2006-2007	2007-2008	2008-2009	2009-2010	2001-2010
Khách quốc tế	12,8	-7,6	20,5	18,8	3,05	18,0	0,15	-10,9	32,54	8,9
Khách nội địa	11,1	3,8	7,4	10,3	9,4	9,7	6,8	21,95	12,0	10,2

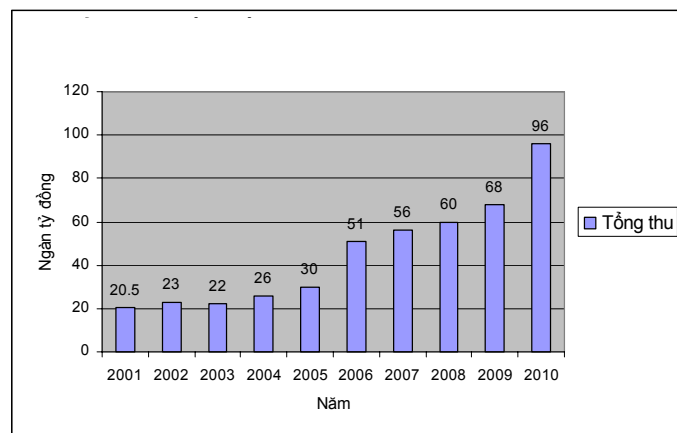
Nguồn: Tổng cục Du lịch, 2011.

Biểu đồ 1. Thực trạng phát triển du lịch Việt Nam từ năm 2001 đến 2012



Nguồn: Tổng cục Du lịch, 2012. Nguyễn Thu Cúc tổng hợp.

Biểu đồ 2. Tổng thu từ khách du lịch giai đoạn 2001-2010



Nguồn: Báo cáo từ các Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch năm 2012, Nguyễn Thu Cúc tổng hợp.

du lịch nội địa và khách du lịch quốc tế. Mặc dù vậy, tốc độ này có nhiều biến động đối với đối tượng là khách du lịch quốc tế. Chẳng hạn, lượng khách du lịch quốc tế của năm 2003 so với năm 2002 là -7,6%, con số này vẫn còn nhỏ hơn nếu tính từ năm 2009 so với năm 2008 là -10,9%. Đây là những năm ngành du lịch bị ảnh hưởng trực tiếp từ dịch bệnh xã hội toàn cầu (2002; 2003) và cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu (2008; 2009). Lượng khách du lịch nội địa thì ổn định hơn, tốc độ tăng năm sau luôn lớn hơn năm trước.

2.2. Thu nhập từ du lịch

Theo tổng hợp báo cáo từ các Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch các tỉnh và thành phố, tổng thu từ khách du lịch tăng rất nhanh, năm 2001 tổng thu là 20,5 ngàn tỷ đồng (khoảng 1,9 tỷ USD), đến 2010 con số này đạt đến 96 ngàn tỷ đồng (tương đương 4,8 tỷ USD), tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2005-2010 là 20,4%/ năm (xem Biểu đồ 2).

2.3 Đóng góp của du lịch trong nền kinh tế-xã hội

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê: “Nếu xét về cơ cấu doanh thu ngoại tệ trong xuất khẩu dịch vụ, doanh thu của ngành du lịch chiếm trên 50% trong xuất khẩu dịch vụ của cả nước, đứng đầu về doanh thu ngoại tệ trong các loại hoạt động dịch vụ ‘xuất khẩu’ trong nền kinh tế, đồng thời có doanh thu ngoại tệ lớn nhất, trên cả các ngành vận tải, bưu chính viễn thông và dịch vụ tài chính” (Tổng cục Du lịch Việt Nam, 2011).

“Nếu so sánh với xuất khẩu hàng hóa (2009), doanh thu ngoại tệ từ xuất khẩu dịch vụ du lịch chỉ đứng sau 4 ngành xuất khẩu hàng hóa là dầu thô, dệt may, giày dép và thủy sản. Tuy nhiên đối với hoạt động du lịch với tư cách là hoạt động ‘xuất khẩu vô hình’, ‘xuất khẩu tại chỗ’ có thể đem lại hiệu quả kinh tế cao hơn và tạo ra nhiều việc làm có thu nhập cho xã hội” (Tổng cục Du lịch Việt Nam, 2011).

Đóng góp vào GDP của ngành du lịch tăng đáng kể theo thời gian, nếu so sánh giá năm 1994 thì GDP của ngành du lịch năm 2001 đạt 10,1 ngàn tỷ đồng, đến năm 2010 đạt 37,4 ngàn tỷ đồng (Viện Nghiên cứu và Phát triển Du lịch Việt Nam).

3. NGUỒN NHÂN LỰC PHỤC VỤ TRONG NGÀNH DU LỊCH VIỆT NAM

3.1. Hiện trạng nguồn nhân lực trong ngành du lịch

Nhu cầu nguồn lao động trong ngành du lịch khá lớn, đặc biệt là ngày càng tăng theo thời gian. Năm 2001 cần 150.662 lao động, đến năm 2010 cần đến 450.000 lao động, tăng gần 3 lần so với

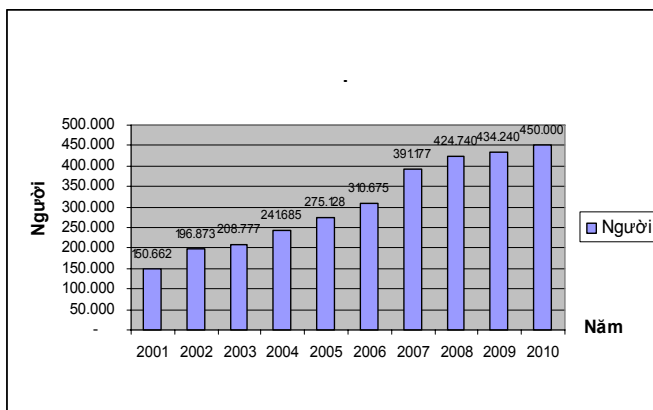
năm 2001 (xem Biểu đồ 3).

Tốc độ tăng mạnh và liên tục qua các năm từ 2001 đến 2010 (như Biểu đồ 2) là cơ sở khoa học cho phép chúng ta dự báo nhu cầu lao động trong ngành du lịch cho những năm tiếp theo sẽ không ngừng tăng nhanh.

3.2. Dự báo nhu cầu nguồn nhân lực trong ngành du lịch đến năm 2030

Quyết định số 2473/QĐ-TTg, ngày 30/12/2011 của Thủ tướng chính phủ đã phê duyệt “Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030”. Trong đó, nguồn nhân lực du lịch là 1 trong 3 chiến lược phát triển của ngành du lịch (ngoài chiến lược thương hiệu du lịch và chiến lược marketing du lịch), và là 1 trong 7 giải pháp phát triển du lịch của Việt Nam đến năm 2020. Vì vậy chúng ta cần xem xét nhu cầu nguồn nhân lực trong ngành du lịch đến năm 2030, để có chiến lược phát triển phù hợp đáp ứng nhu cầu phát triển của ngành, đạt mục tiêu “xây dựng lực lượng lao động ngành du lịch đáp ứng yêu cầu về chất lượng, hợp lý

Biểu đồ 3. Hiện trạng nguồn nhân lực phục vụ trong ngành du lịch



Nguồn: Nguyễn Thu Cúc tổng hợp từ báo cáo của các Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, 2011.

về cơ cấu ngành nghề và trình độ đào tạo **NGÀNH DU LỊCH**

đảm bảo chuyên nghiệp, đủ sức cạnh tranh và hội nhập khu vực, góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ du lịch, đáp ứng nhu cầu xã hội” (Tổng cục Du lịch Việt Nam, 2011).

Những năm gần đây ngành du lịch đã tạo ra nhiều việc làm cho xã hội, trong đó tạo việc làm cho khoảng 30 đến 40 ngàn lao động mỗi năm.

Nhu cầu nhân lực này có thể còn tăng nhanh từ nay đến 2030, dựa trên một số cơ sở cơ bản sau đây:

- Dự báo tăng trưởng khách du lịch quốc tế đến Việt Nam (xem Biểu đồ 4).

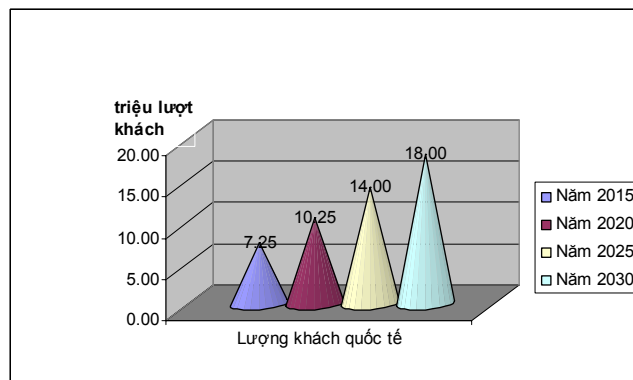
- “Chất lượng nguồn nhân lực du lịch qua đào tạo và kinh nghiệm thực tế ngày càng được nâng lên. Nhờ sự nỗ lực của ngành, sự hỗ trợ từ các tổ chức quốc tế qua dự án nâng cao năng lực ngành du lịch và hệ thống cơ sở đào tạo du lịch được mở rộng và nâng cấp. Tuy nhiên, hiện tại chất lượng nhân lực du lịch vẫn chưa đáp ứng yêu cầu đòi hỏi về tính chuyên nghiệp, kỹ năng quản lý, giao tiếp và chất lượng phục vụ” (Tổng cục Du lịch Việt Nam, 2011).

- Dự báo nhu cầu cơ sở lưu trú giai đoạn 2010-2030 (xem Biểu đồ 5).

Từ những cơ sở trên, Tổng cục Du lịch dự báo đến năm 2030 nguồn nhân lực du lịch Việt Nam sẽ có sự phát triển khá lớn (xem Biểu đồ 6).

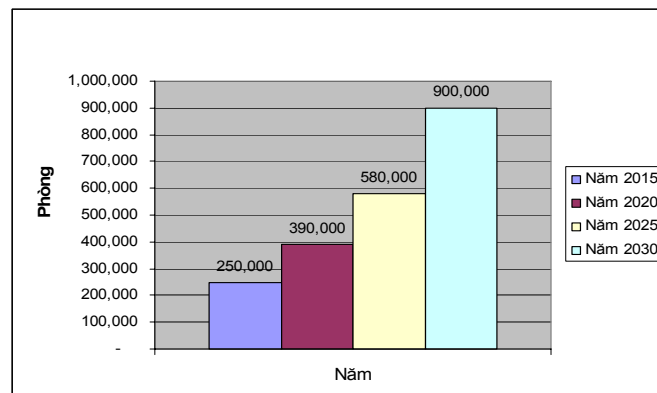
4. MỘT VÀI ĐỀ XUẤT VỀ XÂY DỰNG NGUỒN NHÂN LỰC TRONG

Biểu đồ 4. Dự báo tăng trưởng khách du lịch quốc tế đến Việt Nam 2015-2030



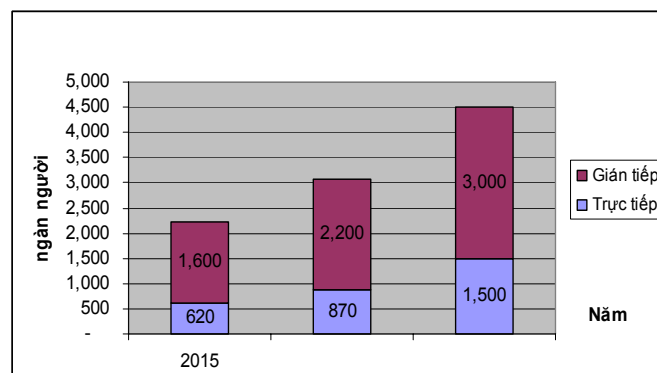
Nguồn: Tổng cục Du lịch, 2011.

Biểu đồ 5. Dự báo số phòng lưu trú giai đoạn: 2015-2030



Nguồn: Tổng cục Du lịch, 2011.

Biểu đồ 6. Dự báo nhân lực du lịch đến năm 2030



Nguồn: Tổng cục Du lịch, 2011.

Theo chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 thì việc phát triển nguồn nhân lực sẽ theo 2 nhóm giải pháp cơ bản:

- Phát triển mạng lưới cơ sở đào tạo du lịch

Chủ trương của ngành là phát triển mạnh mạng lưới cơ sở đào tạo chuyên ngành du lịch, đảm bảo đáp ứng nhu cầu xã hội và hội nhập. Tăng cường đào tạo nguồn nhân lực du lịch có trình độ cao (đại học, sau đại học) và đào tạo quản lý về du lịch. Quan tâm chú ý đào tạo các kỹ năng trong nghề du lịch. Tiến tới trang bị đồng bộ và hiện đại cơ sở vật chất kỹ thuật để phục vụ giảng dạy và đào tạo nhân lực ngành du lịch.

Để thực hiện chủ trương trên, ngành du lịch cần kiểm tra, xem xét lại toàn bộ mạng lưới, cơ sở đào tạo của ngành du lịch. Tập trung ưu tiên cho các cơ sở đào tạo trực tiếp nhân lực du lịch, đảm bảo đủ nguồn nhân lực du lịch cho từng địa phương, vùng du lịch.

Nâng cao năng lực các cơ sở đào tạo trực tiếp từ các doanh nghiệp, theo hướng đào tạo chất lượng, đào tạo là phải làm được, đáp ứng nhu cầu xã hội. Các cơ sở đào tạo du lịch phải đảm bảo về nội dung đào tạo và trình độ đào tạo.

- Chuẩn hóa nhân lực ngành du lịch

Chuẩn hóa đội ngũ giảng viên tham gia đào tạo nhân lực du lịch. Chuẩn hóa

chương trình đào tạo, xây dựng khung đào tạo du lịch phù hợp với khu vực và quốc tế.

Nâng cao tỷ lệ lao động đã qua đào tạo, đào tạo chuyên môn sâu về du lịch. Tập trung đào tạo lao động du lịch có trình độ đại học trở lên và ưu tiên đào tạo tại chỗ.

Để thực hiện chuẩn hóa nhân lực như trên, ngành du lịch cần gắn kết đào tạo với sử dụng trên cơ sở vừa đáp ứng nhu cầu ngành vừa thực hiện liên kết vùng và xuất khẩu lao động.

Tăng cường liên kết, hợp tác quốc tế để đào tạo nguồn nhân lực du lịch đạt chất lượng cao, bám sát yêu cầu của doanh nghiệp và nhu cầu xã hội.

Nhìn chung, nhân lực du lịch Việt Nam hiện nay đang thiếu cả về số lượng lẫn chất lượng phục vụ. Do đó, nhu cầu về nhân lực du lịch cho những năm sắp tới là rất cao, cả về số lượng lao động trực tiếp, gián tiếp, cũng như chất lượng phục vụ. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Minh Tuệ (chủ biên). 2012. *Địa lý du lịch Việt Nam*. Hà Nội: Nxb. Giáo dục.
2. Tổng cục Du lịch Việt Nam, trang web: <http://www.vietnamtourism.gov.vn>.
3. Tổng cục Du lịch Việt Nam. 2011. *Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030*. Hà Nội: Nxb. Thống kê.
4. Viện Nghiên cứu và Phát triển Du lịch Việt Nam, trang web: <http://www.itdr.org.vn>.